| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LAI CHÂU**<br>**TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 05/7/2023
*V/v tranh chấp nghĩa vụ trả lãi theo hợp đồng vay tài sản*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân Anh
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Triệu Vỹ
2. Bà Lò Hải Yến

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Lệ Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu*** *tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2023/TLST - DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "*Nghĩa vụ trả lãi theo Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:*
1. Chị Vũ Thị Ng - sinh năm 1981
Địa chỉ: Tòa nhà Ecolife số 58, phố H, Quận N, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985
Địa chỉ: số nhà 115, đường L, tổ 05, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2022, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà của chị Vũ Thị Ng là nguyên đơn trình bày:

Do là đồng nghiệp với chồng chị Đỗ Thị H, nên năm 2017 chị Ng có cho chị H vay số tiền 600.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền không có tài sản đảm bảo ngày vào ngày 07/11/2017, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Thúy. Theo thỏa thuận trong hợp đồng số tiền chị Ng cho chị H vay là 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm kể từ ngày 07/11/2017 đến ngày 07/11/2020, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, mục đích cho vay là để sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên đến hạn trả tiền, chị H có nói là do chồng chị H ốm đau phải điều trị, điều kiện kinh tế khó khăn nên chị H đã xin gia hạn hợp đồng. Chị Ng nhất trí, chị H viết Biên bản xin gia hạn hợp đồng vay tiền ngày 03/11/2020, với

nội dung: "*...đã sắp đến hạn trả số tiền vay 600.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến hết tháng 12/2020 tôi chưa có điều kiện trả theo hợp đồng. Vậy, tôi viết biên bản này xin gia hạn hợp đồng vay tiền đến ngày 07/11/2025 (gia hạn 05 năm). Với số tiền lãi hàng tháng sẽ được trả cho bà Vũ Thị Ng bằng mức lãi gói vay thấu chi theo ngân hàng hiện hành*". Nhưng từ khi hai bên ký văn bản gia hạn có một hai lần chị H trả cho chị Ng tiền lãi là 500.000 đồng và 600.000 đồng vào năm 2021 hay 2022 chị Ng không nhớ chính xác, từ đó đến nay chị H cũng không thanh toán tiền lãi cho chị Ng, để chị Ng trả lãi ngân hàng đối với khoản tiền 600.000.000 đồng đã cho chị H vay. Chị Ng cho rằng, lãi hai bên thỏa thuận trong Biên bản xin gia hạn hợp đồng vay tiền là 7,5%/năm (bằng với lãi của khoản vay 600.000.000 đồng của chị Ng với ngân hàng BIDV).

Đến nay tuy chị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi cho chị Ng nhưng để giảm bớt gánh nặng tài chính cho chị H, chị Ng chỉ yêu cầu chị H trả lãi là 6%/năm tương ứng 0,5%/tháng. Vì vậy, chị Ng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu buộc chị Đỗ Thị H thanh toán khoản tiền lãi đối với số tiền gốc 600.000.000 đồng, thời gian tính từ ngày 07/11/2020 đến 07/11/2022 là 02 năm, với lãi suất là 0,5%/01 tháng = 3.000.000 đồng/tháng x 24 tháng = 72.000.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu đồng*)

Tại phiên hòa giải ngày 09/02/2023 và tại phiên Tòa chị Ng có thay đổi yêu cầu khởi kiện: số tiền chị H đã trả lãi hai lần là 500.000 đồng và 600.000 đồng vì không nhớ chính xác thời điểm trả nên tính vào tiền lãi năm 2022, số tiền lãi còn lại của năm 2022 là 36.000.000 đồng – 1.100.000 đồng = 33.900.000 đồng chị Ng không yêu cầu chị H trả nữa. Đến nay chị Ng chỉ yêu cầu chị H trả lãi đối với khoản tiền gốc trên từ ngày 07/11/2020 cho đến ngày 07/11/2021 là 01 năm, với lãi suất 0,5%/01 tháng = 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng. Số tiền này, chị Ng yêu cầu chị H trả cho chị Ng 02 đến 03 lần trong năm 2023.

*Ý kiến của bị đơn chị Đỗ Thị H:* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị H thừa nhận có vay số tiền 600.000.000 đồng của chị Vũ Thị Ng. Về thời điểm vay và việc xin gia hạn, cũng như yêu cầu lãi suất 7,5%/năm đối với số tiền 600.000.000 đồng đúng như chị Ng trình bày ở trên, chị cũng thừa nhận việc chị viết Biên bản xin gia hạn hợp đồng vay tiền và ghi rõ phần lãi của khoản vay 600.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện để cho chị Ng yên tâm về việc chị H sẽ có trách nhiệm trả tiền cho chị Ng. Nhưng do chồng chị H ốm và phải nằm viện liên tục, hiện tại chị H không có việc làm và thu nhập ổn định nên điều kiện kinh tế rất khó khăn. Chị H cho rằng trước đây giữa chị và chị Ng đã có thoả thuận bằng miệng về việc không tính lãi.

Chị H không có ý kiến đối với việc chị Ng tính số tiền lãi chị H đã trả là 1.100.000 đồng (lần 1: 500.000 đồng , lần 2: 600.000đồng) vào lãi năm 2022 và không yêu cầu chị H trả số tiền lãi còn lại của năm 2022 là 33.900.000 đồng.

Đối với yêu cầu của chị Ng về việc trả số tiền lãi 36.000.000 đồng là tiền lãi năm 2021 đối với số tiền gốc 600.000.000 đồng cho chị Ng, chị H thừa nhận nghĩa vụ trả lãi, nhưng mong chị Ng xem xét, hiện tại chị H khó khăn nên không có điều kiện thực hiện theo yêu cầu của chị Ng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc Tòa án thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Vũ Thị Ng chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTHS. Cụ thể: chưa có mặt theo thông báo của Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, khoản 2 Điều 244, 271, 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 BLDS 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn chị Vũ Thị Ng về việc yêu cầu chị Đỗ Thị H trả số tiền lãi còn lại của năm 2022 tương đương số tiền 33.900.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả tiền lãi từ ngày 07/11/2021 đến ngày 07/11/2022 với lãi suất 0,5%/01 tháng = 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Vũ Thị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị H trả tiền lãi 72.000.000 đồng của khoản vay 600.000.000 đồng là tranh chấp liên quan đến hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn chị Đỗ Thị H có hộ khẩu thường trú tại tổ 5, phường Đ, thành phố C, tỉnh Lai Châu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi trên khoản tiền gốc 600.000.000 đồng trong năm 2021, 2022 (từ ngày 07/11/2020 cho đến ngày 07/11/2022).*

Xét theo nội dung của hợp đồng vay tiền (BL: 03 - 07), Biên bản xin gia hạn hợp đồng vay tiền ngày 03/11/2020 và lời trình bày của chị Vũ Thị Ng, chị Đỗ Thị H. Đủ cơ sở kết luận vào ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa chị Ng và chị H đã thiết lập hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi, số tiền gốc là 600.000.000 đồng với thời hạn 03 năm. Hợp đồng được hai bên thỏa thuận gia hạn 05 năm kể từ ngày 07/11/2020 đến 07/11/2025. Tiền lãi hàng tháng bằng lãi gói vay thấu chi của ngân hàng (Ngân hàng BIDV 7,5%/năm). Tại thời điểm khởi kiện chị Ng có

thay đổi yêu cầu trả lãi thấp hơn mức ghi trong văn bản gia hạn hợp đồng vay là 6%/năm tương ứng 0,5%/tháng. Chị H không có ý kiến về mức lãi mà cho rằng giữa chị và chị Ng đã có thoả thuận bằng miệng về việc không tính lãi, nhưng chị H không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh thoả thuận trên giữa chị và chị Ng. Xét mức lãi mà chị Ng thay đổi như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do vậy cần chấp nhận.

Xét thấy, trong hợp đồng vay tiền và biên bản gia hạn hợp đồng vay giữa chị Ng và chị H đều có thỏa thuận về lãi, trong thời gian qua chị H không thực hiện việc trả lãi cho chị Ng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi đã được hai bên thỏa thuận.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị Ng: là không yêu cầu chị H trả tiền lãi còn lại của năm 2022 tương ứng với số tiền 33.900.000 đồng, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện do đó cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

Việc chị Ng yêu cầu chị H trả lãi đối với khoản tiền gốc 600.000.000 đồng từ ngày 07/11/2020 cho đến ngày 07/11/2021 là 01 năm, với lãi suất 0,5%/01 tháng = 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, quy định tại các điều 463,466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét chấp nhận yêu cầu này của chị Vũ Thị Ng.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ng được chấp nhận toàn bộ. Nên chị H phải chịu án phí loại có giá ngạch trên số tiền 36.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Toà án.

[4]. Chị Ng không phải chịu án phí nên hoàn trả cho chị Ng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,tuyên xử:

[1]. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn chị Vũ Thị Ng về việc yêu cầu chị Đỗ Thị H trả số tiền lãi của năm 2022 tương đương số tiền 33.900.000 đồng.

[2]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ng

2.1. Buộc chị Đỗ Thị H có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị Ng tiền lãi từ ngày 07/11/2021 đến ngày 07/11/2022 với lãi suất 0,5%/01 tháng = 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 36.000.000 đồng. *(Ba mươi sáu triệu đồng).*

2.2. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chưa thi hành được thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*).

3.2. Hoàn trả lại số tiền 1.800.000 đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do chị Vũ Thị Ng nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0001373 ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu.

[4]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Lai Châu;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Vân Anh**